

Số: 32/TB-TCKH

Hạ Long, ngày 05 tháng 7 năm 2022

THÔNG BÁO

**Công khai tình hình thực hiện dự toán ngân sách Thành phố
Quý II năm 2022**

Thực hiện Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Quyết định số 4389/QĐ-UBND ngày 9/12/2021 của UBND tỉnh Quảng Ninh về việc giao dự toán thu, chi NSNN năm 2022;

Căn cứ Quyết định số 12228/QĐ-UBND ngày 20/12/2021 của UBND thành phố Hạ Long về việc giao dự toán thu, chi NSNN năm 2022;

Phòng Tài chính - Kế hoạch thông báo công khai tình hình thực hiện dự toán ngân sách Thành phố quý II năm 2022 (chi tiết theo biểu số liệu và thuyết minh đính kèm).

Hình thức công khai: Thực hiện đăng tải trên Trang công tin điện tử của UBND Thành phố Hạ Long.

Phòng Tài chính - Kế hoạch Thông báo để các cơ quan, đơn vị, UBND các phường được biết./.

Nơi nhận:

- Sở Tài chính QN;
- TT: TU, HĐND, UBND TP;
- Các phòng, ban, đơn vị;
- UBND các phường;
- Công TTĐT TP;
- Lưu: VT.

TRƯỞNG PHÒNG



Vũ Ngọc Lâm

Hạ Long, ngày 05 tháng 7 năm 2022

BÁO CÁO
THUYẾT MINH TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ TOÁN NGÂN SÁCH
THÀNH PHỐ QUÝ II/2022

(Kèm theo Thông báo số 32/TB-TCKH ngày 05/7/2022 của phòng Tài chính - Kế hoạch)

1. Về thu ngân sách (biểu số 94/CK-NSNN ban hành kèm theo Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính)

Tổng thu ngân sách Thành phố hết quý II/2022 đạt **9.494,5** tỷ đồng, bằng **119,4** % so với cùng kỳ. Trong đó:

1.1. Thu nội địa (Thu cân đối ngân sách Thành phố)

Thu nội địa hết quý II năm 2022 đạt **8.136,8** tỷ đồng, bằng **41,8%** dự toán Tỉnh giao và **41,4%** KH Thành phố, bằng **111,5%** so với cùng kỳ.

Trong đó:

- Thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước đạt 2.557,3 tỷ đồng, bằng 69,4% dự toán Tỉnh và KHTP, bằng 124,1% so với cùng kỳ.

- Thu từ doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài đạt 548,0 tỷ đồng, bằng 73,6% dự toán Tỉnh và KHTP, bằng 166,4% so với cùng kỳ.

- Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh đạt 1.489,9 tỷ đồng, bằng 37,9% dự toán Tỉnh và KHTP, bằng 102,4% so với cùng kỳ.

- Thuế thu nhập cá nhân đạt 826,7 tỷ đồng, bằng 111,0% dự toán Tỉnh và KHTP, bằng 211,3% so với cùng kỳ.

- Thuế bảo vệ môi trường đạt 745,5 tỷ đồng, bằng 48,5% dự toán Tỉnh và KHTP, bằng 81,6% so với cùng kỳ.

- Lệ phí trước bạ đạt 211,3 tỷ đồng, bằng 42,5% dự toán Tỉnh và KHTP, bằng 98,2% so với cùng kỳ.

- Thu phí, lệ phí đạt 422,3 tỷ đồng, bằng 38,1% dự toán Tỉnh và KHTP, bằng 122,5% so với cùng kỳ.

Trong đó: Thu phí tham quan Vịnh Hạ Long thu nộp ngân sách (*phần 89% tổng thu phí tham quan vịnh Hạ Long*) là 46,6 tỷ đồng, bằng 9,3% dự toán Tỉnh và KHTP, bằng 735,1% so với cùng kỳ.

- Thu tiền sử dụng đất 484,1 tỷ đồng, bằng 10,6% dự toán Tỉnh, bằng 10,2% KHTP, bằng 57,3% so với cùng kỳ.



- Thu tiền thuê đất, thuê mặt nước 296,5 tỷ đồng, bằng 18,6% dự toán Tỉnh, bằng 18,6% KHTP, bằng 155,2% so với cùng kỳ.

- Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp đạt 22,2 tỷ đồng, bằng 67,5% dự toán tỉnh giao, bằng 59,2% KHTP, bằng 163,2% so với cùng kỳ.

- Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết đạt 25,7 tỷ đồng, bằng 53,5% dự toán tỉnh giao và KHTP, bằng 103,3% so với cùng kỳ.

- Thu khác ngân sách đạt 220,5 tỷ đồng, bằng 52,8% dự toán tỉnh giao, bằng 48,9% KHTP, bằng 78,1% so với cùng kỳ.

- Thu cấp quyền khai thác khoáng sản đạt 286,3 tỷ đồng, bằng 58,0% dự toán tỉnh giao và KHTP, bằng 124,3% so với cùng kỳ.

1.3. Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên: 24,9 tỷ đồng.

2. Chi ngân sách (biểu số 95/CK-NSNN ban hành kèm theo Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính)

Tổng chi ngân sách Thành phố đạt **1.135,2 tỷ đồng**, bằng **27,5 %** dự toán Tỉnh giao, bằng **26,9%** KHTP, bằng **80,1%** so với cùng kỳ. Trong đó:

2.1. Chi đầu tư phát triển thực hiện 552,0 tỷ đồng, bằng 22,5% kế hoạch tỉnh giao, bằng 21,9% kế hoạch thành phố giao, bằng 63,6% so với cùng kỳ.

2.2. Chi thường xuyên thực hiện 516,0 tỷ đồng, bằng 34,1% dự toán tỉnh và 34,3% KHTP, bằng 97,3% so với cùng kỳ.

2.3. Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách Tỉnh: 15,3 tỷ đồng.

Trên đây là khái quát tình hình thực hiện dự toán ngân sách Thành phố quý II năm 2022, phòng Tài chính - Kế hoạch Thành phố trân trọng thông báo./.



UBND THÀNH PHỐ HA LONG
PHÒNG TÀI CHÍNH - KẾ HOẠCH



Biểu số 93/CK-NSNN

(Ban hành kèm theo Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính)

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH THÀNH PHỐ NĂM 2022

(Kèm theo Thông tư số 32/TB-TCKH ngày 05/7/2022 của phòng Tài chính - Kế hoạch)

ĐVT: Triệu đồng

STT	CHỈ TIÊU	DỰ TOÁN TỈNH Năm 2022	DỰ TOÁN THÀNH PHỐ NĂM 2022	THỰC HIỆN QUÝ II/2022	So sánh thực hiện với		
					KH Tỉnh	DT TP	Cùng kỳ
A	B	1	2	5	6=5/1	7=5/2	9=5/CK
A	TỔNG NGUỒN THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	4.134.286	4.212.388	2.452.660	59,3	58,2	128,0
I	Thu cân đối NSNN	4.127.617	4.205.719	1.145.979	27,8	27,2	89,9
1	Thu nội địa	4.127.617	4.205.719	1.145.979	27,8	27,2	89,9
2	Thu viện trợ	0	0	0	0,0	0,0	0,0
II	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	6.669	6.669	24.915	373,6	373,6	71,1
III	Thu chuyển nguồn	0	0	1.281.565	0,0	0,0	211,3
IV	Thu quản lý qua ngân sách	0	0	202	0,0	0,0	232,6
V	Thu từ ngân sách cấp dưới nộp lên	0	0	0	0,0	0,0	0,0
VI	Thu kết dư ngân sách	0	0	0			
B	TỔNG CHI NGÂN SÁCH HUYỆN	4.134.287	4.212.388	1.135.234	27,5	26,9	80,1
I	Tổng chi cân đối ngân sách huyện	4.127.618	4.196.668	1.068.016	25,9	25,4	76,4
1	Chi đầu tư phát triển	2.449.228	2.524.386	552.039	22,5	21,9	63,6
2	Chi thường xuyên	1.513.346	1.505.866	515.977	34,1	34,3	97,3
3	Chi ủy thác cho ngân hàng chính sách xã hội tỉnh Quảng Ninh cho vay giải quyết việc làm	0	0	0	0,0	0,0	0,0
4	Dự phòng ngân sách	165.044	166.416	0	0,0	0,0	0,0
II	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách Tỉnh	6.669	6.669	15.283	229,2	229,2	76,5
III	Chi nộp ngân sách cấp trên	0	0	51.936	0,0	0,0	0,0
IV	Chi tạm ứng	0	0	0	0,0	0,0	0,0
V	Chi quản lý qua ngân sách		0				
VI	Dự nguồn cải cách tiền lương		9.051				

(Kèm theo Thông báo số 32/TB-TCKH ngày 05/7/2022 của phòng Tài chính - Kế hoạch)

ĐVT: Triệu đồng

Page 1

STT	Nội dung	DỰ TOÁN TỈNH GIAO Năm 2022	DỰ TOÁN THÀNH PHỐ NĂM 2022	THỰC HIỆN QUÝ II/2022	So sánh thực hiện với (%)		
					DT Tỉnh	DT TP	Cùng kỳ
A	B	1	2	3	4=3/1	5=3/2	6=3/CK
B	THU NGÂN SÁCH HUYỆN ĐƯỢC HƯỞNG THEO PHÂN CẤP	4.134.286	4.212.388	2.452.660	59,3	58,2	128,0
1	Từ các khoản phân chia	3.227.807	3.289.307	830.457	25,7	25,2	86,8
2	Các khoản thu NS huyện được hưởng 100%	899.810	916.412	315.521	35,1	34,4	99,5
3	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	6.669	6.669	24.915	373,6	373,6	71,1
4	Thu chuyển nguồn	0	0	1.281.565	0,0	0,0	211,3
5	Thu quản lý qua ngân sách	0	0	202	0,0	0,0	232,6
6	Thu từ ngân sách cấp dưới nộp lên	0	0	0	0,0	0,0	0,0
7	Thu kết dư ngân sách	0	0	0	0,0	0,0	0,0

* Thu nội địa không bao gồm ghi thu - ghi chi vào ngân sách

THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH THÀNH PHỐ NĂM 2022

(Kèm theo Thông báo số 34/TB-TCKH ngày 05/7/2022 của phòng Tài chính - Kế hoạch)

DVT: Triệu đồng

STT	CHỈ TIÊU	KH TỈNH Năm 2022	DỰ TOÁN THÀNH PHỐ 2022	THỰC HIỆN QUÝ II/2022	So sánh thực hiện với		
					KH Tỉnh	DT TP	Cùng kỳ
A	B	1	2	3	4=3/1	5=3/2	6=3/CK
	TỔNG CHI THÀNH PHỐ	4.134.287	4.212.388	1.135.234	27,5	26,9	80,1
A	CHI CÂN ĐỐI NS HUYỆN	4.127.618	4.196.668	1.068.016	25,9	25,4	76,4
I	CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	2.449.228	2.524.386	552.039	22,5	21,9	63,6
1	Chi đầu tư XD CB Thành phố	2.449.228	2.518.279	535.000	21,8	21,2	73,9
2	Chi đầu tư XD CB nguồn tại phường		6.107	17.039	0,0	279,0	473,8
3	Công trình chuyển nguồn				0,0	0,0	114,2
3.1	Chuyển nguồn năm 2019 sang năm 2020				0,0	0,0	100,0
3.2	Nộp trả ngân sách số tạm ứng đã chuyển nguồn sang năm 2020				0,0	0,0	17,1
II	CHI THƯỜNG XUYÊN	1.513.346	1.505.866	515.977	34,1	34,3	97,3
	Trong đó:						
1	Chi giáo dục, đào tạo và dạy nghề	630.492	631.617	226.439	35,9	35,9	105,6
2	Chi khoa học và công nghệ		128	0	0,0	0,0	0,0
3	Chi y tế, dân số và gia đình	82.454	82.454	24.190	29,3	29,3	52,7
4	Sự nghiệp văn hóa, thể thao và phát thanh truyền hình	20.591	16.887	8.668			
7	Chi bảo vệ môi trường	159.425	173.319	37.868	23,8	21,8	94,8
8	Chi hoạt động kinh tế	194.036	173.223	26.897	13,9	15,5	79,4
9	Chi hoạt động của cơ quan quản lý hành chính, đảng, đoàn thể	277.749	274.479	105.424	38,0	38,4	84,7
10	Chi đảm bảo xã hội	77.952	83.388	50.590	64,9	60,7	142,2
11	Chi quốc phòng	34.671	34.482	18.872	54,4	54,7	93,3
12	Chi an ninh	6.303	6.302	3.850	61,1	61,1	243,7
13	Chi khác	29.673	29.587	13.178	44,4	44,5	199,2
II	DỰ PHÒNG NGÂN SÁCH	165.044	166.416	0	0,0	0,0	0,0
1	Dự phòng Thành phố	154.949	156.927		0,0	0,0	0,0
2	Dự phòng phường	10.095	9.489		0,0	0,0	0,0

STT	CHỈ TIÊU	KH TỈNH Năm 2022	DỰ TOÁN THÀNH PHỐ 2022	THỰC HIỆN QUÝ II/2022	So sánh thực hiện với		
					KH Tỉnh	DT TP	Cùng kỳ
A	B		2	3	4=3/1	5=3/2	6=3/CK
B	CHI TỪ NGUỒN BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU TỪ NGÂN SÁCH CẤP TRÊN	6.669	6.669	15.283	229,2	229,2	76,5
1	Chương trình mục tiêu quốc gia (Kinh phí xây dựng nông thôn mới; Chương trình 135)				0,0	0,0	0,0
2	Cho các chương trình dự án quan trọng vốn đầu tư						
3	Chi đầu tư phát triển khác				0,0	0,0	0,0
4	Cho các nhiệm vụ, chính sách kinh phí thường xuyên	6.669	6.669	15.283			
C	CHI QUẢN LÝ QUA NGÂN SÁCH			0	0,0	0,0	0,0
D	CHI NỘP NGÂN SÁCH CẤP TRÊN			51.936	0,0	0,0	0,0
E	CHI TẠM ỨNG				0,0	0,0	0,0
F	DỰ NGUỒN CẢI CÁCH TIỀN LƯƠNG		9.051				